

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 3293/CV-TC.25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Công bố thông tin định kỳ về
tình hình tài chính

TP.HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2025.

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Người Sở Hữu Trái Phiếu

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Á Châu gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 91/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 19/9/2018, Quyết định số 2438/QĐ-NHNN ngày 22/11/2019 về việc sửa đổi nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu và Quyết định số 1370/QĐ-NHNN ngày 28/06/2024 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19/05/1993, đăng ký điều chỉnh lần gần nhất ngày 25/06/2024.
- Địa chỉ trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3929 0999 Fax: (84-28) 3839 9885
Website: www.acb.com.vn Email: acb@acb.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động ngân hàng thương mại, cụ thể:
 - ✓ Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức và dân cư thuộc các thành phần kinh tế với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn;
 - ✓ Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước;
 - ✓ Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
 - ✓ Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;

- ✓ Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng nhà nước cho phép;
- ✓ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ✓ Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- ✓ Và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp cấp đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 40, ngày 25/06/2024.

- Mã số thuế: 0301452948

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo năm (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024).

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo năm 2024 (*) (**):

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	70.955.961.000.000	83.461.678.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.112.283.000.000	44.938.358.000.000
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	11.557.435.000.000	14.789.568.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.286.243.000.000	23.733.752.000.000
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
- Chênh lệch tỷ giá	-	-
2. Tổng số nợ phải trả (triệu đồng)	647.838.628.000.000	780.544.025.000.000
- Nợ vay ngân hàng	8.787.189.000.000	20.017.706.000.000
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	38.660.014.000.000	45.700.446.000.000
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	38.660.014.000.000	45.700.446.000.000
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	-	-
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	-	-
- Nợ phải trả khác	600.391.425.000.000	714.825.873.000.000
+ Các khoản nợ Chính Phủ và Ngân hàng Nhà nước	88.000.000	7.954.853.000.000

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
+ Tiền gửi của các tổ chức tín dụng	80.719.473.000.000	91.573.962.000.000
+ Tiền gửi của khách hàng	482.702.731.000.000	537.304.578.000.000
+ Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	117.126.000.000	-
+ Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	41.534.000.000	28.008.000.000
+ Chứng chỉ tiền gửi	13.750.000.000.000	55.950.000.000.000
+ Các khoản lãi, phí phải trả	7.682.185.000.000	7.045.361.000.000
+ Các khoản phải trả và công nợ khác	15.378.288.000.000	14.969.111.000.000
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,90	0,90
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	9,13	9,35
4. Khả năng thanh toán (lần):		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	0,83	0,82
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)	0,83	0,82
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	1,73	1,91
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	0,54	0,55
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	0,54	0,55
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	20.067.999.000.000	21.005.871.000.000
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	16.044.733.000.000	16.789.768.000.000
- Lỗ lũy kế (nếu có)	-	-
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,12	2,42
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,70	24,80



8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (***)	Năm 2023	Năm 2024	Giới hạn của NHNN
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%) (theo báo cáo tài chính hợp nhất)	12,48	11,82	$\geq 8\%$
- Khả năng chi trả (%)			
+ Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)	16,67	14,94	$\geq 10\%$
+ Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (%) (VND)	66,07	61,94	$\geq 50\%$
+ Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (%) (USD)	206,47	197,95	$\geq 10\%$
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (%)	17,30	18,78	$\leq 30\%$
- Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	78,14	78,01	$\leq 85\%$
- Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có			
+ Trạng thái ngoại tệ dương so với vốn tự có (%)	0,41	0,24	20%
+ Trạng thái ngoại tệ âm so với vốn tự có (%)	(2,73)	(1,65)	-20%
+ Trạng thái vàng so với vốn tự có (%)	0,40	0,08	2%
- Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (%)	7,87	6,12	$\leq 30\%$

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ 31/12/2023 và 31/12/2024

Ghi chú:

* Số liệu về tình hình tài chính được tính toán từ báo cáo tài chính năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện

** Các khoản vay bằng ngoại tệ của ACB được quy đổi theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo cho các năm 2023 và 2024 lần lượt là: 5.524 tỷ đồng và 5.766 tỷ đồng.

*** Ngân hàng TMCP Á Châu đã đáp ứng Thông tư 22/2019/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 09/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện là Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

**NGƯỜI LẬP BIỂU
GIÁM ĐỐC PHÒNG
QUẢN TRỊ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Trần Trung Hiếu

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Hòa

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: P. QTBCĐKT, Ph TH

(Tài liệu kèm theo theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP)



